

Số: /TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO (ngày 26/11/2018)

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh

Căn cứ Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Sau khi thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính và Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Người có công;

Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh (sau đây viết tắt là Nghị định số 157/2016/NĐ-CP).

Điều 2. Chế độ bảo hiểm y tế đối với Cựu chiến binh

1. Cựu chiến binh quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định

chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế (sau đây viết tắt là Nghị định số 146/2018/NĐ-CP).

2. Trường hợp Cựu chiến binh đồng thời thuộc nhiều đối tượng tham gia bảo hiểm y tế khác nhau (nhóm do người lao động và người sử dụng lao động đóng; nhóm do cơ quan bảo hiểm xã hội đóng hoặc nhóm do ngân sách nhà nước đóng) thì đóng bảo hiểm y tế theo đối tượng đầu tiên theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Luật bảo hiểm y tế.

3. Đối tượng Cựu chiến binh không được ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế đang tham gia theo đối tượng khác, có mức hưởng bảo hiểm y tế thấp hơn mức hưởng bảo hiểm y tế của Cựu chiến binh thì được đổi mã quyền lợi để hưởng quyền lợi bảo hiểm y tế của Cựu chiến binh theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.

Ví dụ 1: Ông Trần Văn Thành, nhập ngũ tháng 2/1980, thuộc Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 122, Sư đoàn 313 trực tiếp chiến đấu tại mặt trận Vị Xuyên, tỉnh Hà Tuyên (nay là tỉnh Hà Giang) năm 1984-1985, ngày 01/10/1999 chuyển ngành, là Phó Vụ trưởng thuộc Bộ Tài Chính. Ông Thành đang tham gia bảo hiểm y tế theo nhóm người lao động, đồng thời cũng thuộc đối tượng Cựu chiến binh. Vì vậy, ông Thành đóng bảo hiểm y tế theo đối tượng đầu tiên là “nhóm người lao động và người sử dụng lao động đóng”, nhưng ông Thành được hưởng quyền lợi theo đối tượng Cựu chiến binh, được đổi thẻ bảo hiểm y tế từ mã quyền lợi 4 (HC4) sang mã quyền lợi 2 (HC2) của Cựu chiến binh.

Điều 3. Tiền lương, phụ cấp và chế độ bảo hiểm xã hội đối với Cựu chiến binh trong chỉ tiêu biên chế, làm công tác chuyên trách Hội Cựu chiến binh các cấp (từ cấp Trung ương đến cấp huyện)

1. Đối với Cựu chiến binh đã nghỉ hưu (đang hưởng lương hưu hàng tháng) được bầu cử, bổ nhiệm, tuyển dụng làm công tác chuyên trách công tác Hội Cựu chiến binh các cấp (từ Trung ương đến cấp huyện):

a) Ngoài lương hưu, hàng tháng được hưởng lương, phụ cấp theo quy định của Đảng (quy định hiện hành tại Hướng dẫn số 05-HD/BTCTW ngày 01/7/2011 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện một số chế độ phụ cấp đối với cán bộ, công chức cơ quan Đảng, Đoàn thể chính trị - xã hội và tiền lương của Hội Cựu chiến binh Việt Nam theo Thông báo số 13-TB/TW ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Chính trị (sau đây gọi tắt là Hướng dẫn số 05-HD/BTCTW))

b) Được hưởng các chế độ phụ cấp đặc thù như các tổ chức chính trị-xã hội khác cùng cấp (được hưởng phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị-xã hội quy định hiện hành tại Hướng dẫn số 05-HD/BTCTW ngày 01/7/2011 của Ban Tổ chức Trung ương; phụ cấp công vụ tại Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 của Chính phủ về chế độ phụ cấp công vụ).

2. Đối với Cựu chiến binh phục viên, xuất ngũ (không hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng) được tuyển dụng làm công tác chuyên trách công tác Hội Cựu chiến binh các cấp (từ Trung ương đến cấp huyện):

a) Được hưởng lương theo ngạch, bậc lương phù hợp với trình độ đào tạo và vị trí việc làm đang đảm nhận; được nâng bậc, ngạch lương và được hưởng chế độ phụ cấp, trợ cấp theo quy định của Chính phủ (quy định hiện hành tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây gọi tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP)).

b) Được hưởng các chế độ phụ cấp đặc thù như các tổ chức chính trị-xã hội khác cùng cấp (như quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 3 Thông tư này).

c) Được cộng nối thời gian công tác trong quân đội trước đó với thời gian có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc sau này để tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội (quy định hiện hành tại Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc).

Điều 4. Chế độ tiền lương, phụ cấp và chế độ bảo hiểm xã hội đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã

1. Chủ tịch Cựu chiến binh cấp xã đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng hàng tháng:

a) Được hưởng lương và nâng bậc lương theo quy định của Chính phủ (quy định hiện hành tại Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã).

b) Được hưởng các chế độ phụ cấp đặc thù theo quy định của Chính phủ (được hưởng phụ cấp công vụ theo Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 của Chính phủ về chế độ phụ cấp công vụ).

Ví dụ 2: Ông Trần Tuấn Minh nhập ngũ tháng 4/1972, cấp bậc Thiếu tá, nghỉ hưu tháng 5/2011, được bầu cử là Chủ tịch Cựu chiến binh xã tháng 3/2012 (nhiệm kỳ 1), tháng 4/2017 được tái bổ nhiệm Chủ tịch Cựu chiến binh xã (nhiệm kỳ 2). Ngoài lương hưu, hàng tháng ông Minh được hưởng tiền lương như sau:

- Lương cán bộ cấp xã (bậc 2) bằng: $1.390.000 \text{ đ} \times 2,25 = 3.127.000$ đồng.

- Phụ cấp công vụ 25% bằng: $(1.390.000 \text{ đ} \times 2,25) \times 25\% = 781.750$ đồng.

- Tiền lương tháng 10/2018 ông Minh được nhận là:

3.127.000 đ + 781.750 đ = 3.908.750 đồng

2. Chủ tịch Cựu chiến binh cấp xã không hưởng chế độ hưu trí, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng hàng tháng:

a) Được hưởng lương theo ngạch, bậc lương phù hợp với trình độ đào tạo; được nâng bậc, ngạch lương và được hưởng phụ cấp, trợ cấp theo quy định của Chính phủ (quy định hiện hành tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã (sau đây gọi tắt là Nghị định số 92/2009/NĐ-CP)).

b) Được hưởng các chế độ phụ cấp đặc thù như các tổ chức chính trị-xã hội khác cùng cấp (được hưởng phụ cấp công vụ theo quy định hiện hành tại Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 của Chính phủ về chế độ phụ cấp công vụ).

c) Được cộng nối thời gian công tác để tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

Ví dụ 3: Ông Huỳnh Văn Tý nhập ngũ tháng 5/1998, cấp bậc Đại úy, phục viên tháng 5/2011, được bầu cử là Chủ tịch Cựu chiến binh xã B từ tháng 3/2012 (nhiệm kỳ 1); ông Tý có bằng cử nhân chính trị, được xếp lương công chức theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, hệ số 2,34; xã B được hưởng phụ cấp phân loại xã loại 1 (10%). Ông Tý được hưởng tiền lương và phụ cấp hàng tháng như sau:

- Mức lương hiện hưởng là: $1.390.000 \text{ đ} \times 2,34 = 3.252.600 \text{ đồng}$

- Được hưởng các loại phụ cấp, gồm:

Phụ cấp chức vụ bằng 0,15 mức lương cơ sở: $1.390.000 \text{ đ} \times 0,15 = 208.500 \text{ đồng}$;

Phụ cấp công vụ bằng 25% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo: $1.390.000 \text{ đ} \times (2,34 + 0,15) \times 25\% = 865.275 \text{ đồng}$;

Phụ cấp phân loại xã loại 1 bằng 10% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo: $1.390.000 \text{ đ} \times (2,34 + 0,15) \times 10\% = 346.110 \text{ đồng}$;

Như vậy, Tổng mức tiền lương, phụ cấp tháng 10/2018 ông Huỳnh Văn Tý được nhận là: $3.252.600 \text{ đ} + 208.500 \text{ đ} + 865.275 \text{ đ} + 346.110 \text{ đ} = 4.672.485 \text{ đồng}$.

3. Phó Chủ tịch Hội cựu chiến binh cấp xã:

a) Được hưởng chế độ phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Mức phụ cấp cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định (quy định hiện hành tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP).

b) Được cộng nối thời gian công tác để tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

Điều 5. Chế độ trợ cấp khi thôi công tác Hội cựu chiến binh

1. Cựu Chiến binh đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng hàng tháng, khi thôi làm công tác Hội được hưởng trợ cấp thôi công tác Hội, gồm các đối tượng sau đây:

a) Cựu chiến binh giữ chức danh lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm) hoặc được tuyển dụng làm công tác chuyên trách công tác Hội Cựu chiến binh các cấp (từ Trung ương đến cấp huyện);

b) Cựu chiến binh là Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã;

c) Cựu chiến binh là Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã;

2. Chế độ trợ cấp thôi công tác Hội:

a) Đối tượng tại điểm a và b Khoản 1 Điều 5 Thông tư này:

Cứ mỗi năm tham gia công tác hội được hưởng trợ cấp bằng nửa (1/2) tháng lương hiện hưởng, gồm: mức lương theo chức danh, cộng phụ cấp chức vụ (nếu có), cộng 5% mức lương tái cử, tái bổ nhiệm theo quy định hiện hành tại Hướng dẫn số 05-HD/BTCTW (nếu có).

Cách tính như sau:

$$\text{Trợ cấp thôi công tác Hội} = \frac{\text{Lương theo chức danh} + \text{Phụ cấp chức vụ (nếu có)} + 5\% \text{ mức lương tái cử, tái bổ nhiệm (nếu có)}}{2} \times \text{Số năm công tác}$$

b) Đối với Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã:

Cứ mỗi năm tham gia công tác hội được hưởng trợ cấp thôi công tác hội bằng nửa (1/2) tháng phụ cấp hiện hưởng. Cách tính như sau:

$$\text{Trợ cấp thôi công tác Hội} = \frac{\text{Phụ cấp hiện hưởng hàng tháng}}{2} \times \text{Số năm công tác}$$

c) Số năm công tác để tính trợ cấp một lần là tổng thời gian tham gia công tác Hội liên tục kể từ khi được bầu cử, bổ nhiệm, tuyển dụng đến khi có quyết định thôi công tác Hội của cấp có thẩm quyền. Thời gian tham gia công tác Hội nếu có tháng lẻ thì từ đủ 6 tháng trở lên được tính bằng 1 năm; dưới 6 tháng được tính bằng 1/2 năm.

3. Thẩm quyền ra quyết định thôi công tác Hội:

a) Căn cứ quy định phân cấp quản lý cán bộ, cấp ủy cấp nào có thẩm quyền bổ nhiệm, tuyển dụng, điều động cán bộ; Ban Chấp hành hoặc Thường trực Hội Cựu chiến binh cấp nào có thẩm quyền chuẩn y kết quả bầu cử, bổ

nhiệm, tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ thì cấp đó có thẩm quyền quyết định thời công tác hội đối với cán bộ (quyết định ghi rõ: Thời gian công tác hội được tính là ... năm, để làm căn cứ tính trợ cấp thôi công tác hội);

b) Tổ chức hội cấp nào chi trả tiền lương hàng tháng có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi công tác hội cho cán bộ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Ví dụ 4: Ông Dương Tất Thắng nhập ngũ tháng 8/1969, cấp bậc Thượng tá, nghỉ hưu tháng 6/2008, được bổ nhiệm làm Trưởng Ban Tuyên giáo tỉnh H (nhiệm kỳ 1 từ tháng 8/2008), tái bổ nhiệm Trưởng Ban (nhiệm kỳ 2 từ tháng 8/2013), tháng 11/2018 được thôi công tác Hội; “mức lương chuẩn” của Trưởng Ban cấp tỉnh là 3,33 và được hưởng phụ cấp chức vụ là 0,5; được hưởng 5% mức lương tái cử, tái bổ nhiệm; mức lương cơ sở tháng 11/2018 là 1.390.000 đồng. Đồng chí Dương Tất Thắng được hưởng trợ cấp thôi công tác Hội như sau:

- Tiền lương tháng hiện hưởng bằng:

$[(3,33 + 0,5) \times 1.390.000 \text{ đ}] + [(3,33 \times 1.390.000 \text{ đ}) \times 5\%] = 5.555.135$
đồng

- Thời gian tham gia công tác hội từ tháng 10/2008 đến tháng 11/2018 được tính là 10 năm 3 tháng; số năm công tác được tính là 10,5 năm.

- Số tiền trợ cấp thôi công tác Hội là:

$(5.555.135 \text{ đ} \times 10,5 \text{ năm}) : 2 = 29.164.750$ đồng

Ví dụ 5: Cựu chiến binh Huỳnh Minh Y là Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã M liên tục 2 nhiệm kỳ từ tháng 2/2008 đến tháng 9/2018; số năm công tác hội được tính là 11 năm; phụ cấp được hưởng hàng tháng bằng 1,0 mức lương cơ sở. Đồng chí Y được hưởng trợ cấp thôi công tác Hội như sau:

Trợ cấp thôi công tác hội = $(1.390.000 \text{ đ} \times 11 \text{ năm}) : 2 = 7.645.000$ đồng.

Điều 6. Nguồn kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách

1. Kinh phí thực hiện chế độ chính sách quy định tại Thông tư này được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chế độ chính sách tại Thông tư này thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019. Các chế độ, chính sách hướng dẫn tại Thông tư này được áp dụng từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Các quy định tại Điểm 1 và Điểm 5 Mục II Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT-BLĐT BXH-HCCBVN-BTC-BQP ngày 25 tháng 7 năm 2007 của liên Bộ: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội cựu chiến binh Việt

Nam, Bộ Tài chính và Bộ Quốc phòng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Các văn bản viện dẫn trong Thông tư này khi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì nội dung viện dẫn cũng được điều chỉnh thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Hội Cựu chiến binh Việt Nam chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách; hướng dẫn tổ chức thực hiện chế độ, chính sách; phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện; giải quyết các vướng mắc, phát sinh theo thẩm quyền.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị Hội Cựu chiến binh Việt Nam, các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Trung ương Hội CCB Việt Nam;
- Hội CCB các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Lưu: VT, Cục NCC.

BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung

Số: /TTr-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO (ngày 26/11/2018)

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

Căn cứ Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh (sau đây gọi tắt là Nghị định số 157/2016/NĐ-CP), thực hiện nhiệm vụ Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giao, Cục Người có công đã chủ trì phối hợp các cơ quan thuộc Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư). Sau khi tiếp thu ý kiến của các Bộ, cơ quan có liên quan và ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Người có công hoàn chỉnh dự thảo Thông tư, trình Bộ trưởng như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

Sau gần 12 năm thực hiện Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh (sau đây gọi tắt là Nghị định số 150/2006/NĐ-CP); Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT-BLĐTBXH-HCCBVN-BTC-BQP ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Liên Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 150/2006/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT), việc thực hiện chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo các văn bản nêu trên đã đạt được những kết quả tích cực, thể hiện sự ghi nhận và đánh giá cao sự hy sinh công hiến to lớn của Cựu chiến binh trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc, làm nhiệm vụ quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp

phần tạo niềm tin, khuyến khích, động viên Cựu chiến binh phát huy vai trò, trách nhiệm trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP và các văn bản của Đảng, Chính phủ hiện hành, còn có một số vướng mắc phát sinh như sau:

1. Về thực hiện chính sách bảo hiểm y tế đối với Cựu chiến binh tại Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP không phù hợp với các quy định hiện hành tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

2. Về thực hiện chế độ tiền lương, phụ cấp và chế độ bảo hiểm xã hội đối với Cựu chiến binh trong chỉ tiêu biên chế, được tuyển dụng làm công tác chuyên trách công tác Hội Cựu chiến binh các cấp có một số vướng mắc, cụ thể như sau:

- Đối với Cựu chiến binh (đã nghỉ hưu) được tuyển dụng làm việc tại Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh và cấp huyện, một số địa phương không cho hưởng phụ cấp công vụ theo Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về chế độ phụ cấp công vụ;

- Đối với Cựu chiến binh (phục viên, xuất ngũ không hưởng lương hưu) được tuyển dụng làm việc tại Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh và cấp huyện, một số địa phương không cho hưởng phụ cấp công tác Đảng - Đoàn thể chính trị-xã hội theo hướng dẫn số 05-HD/BTCTW ngày 01 tháng 07 năm 2011 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện một số chế độ phụ cấp đối với cán bộ, công chức cơ quan Đảng, Đoàn thể chính trị - xã hội và tiền lương của Hội Cựu chiến binh Việt Nam theo Thông báo số 13-TB/TW ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Chính trị;

- Đối với Chủ tịch Cựu chiến binh cấp xã (đang hưởng lương hưu), một số địa phương không cho hưởng phụ cấp công vụ theo Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về chế độ phụ cấp công vụ;

- Đối với Chủ tịch Cựu chiến binh cấp xã (phục viên, xuất ngũ không hưởng lương hưu) được xếp lương theo ngạch, bậc lương phù hợp với trình độ đào tạo, tuy nhiên một số địa phương thực hiện cho hưởng các loại phụ cấp, trợ cấp đối với nhóm đối tượng này chưa đúng theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và không thống nhất.

- Đối với Cựu chiến binh (phục viên, xuất ngũ không hưởng lương hưu) được tuyển dụng làm việc tại Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh và cấp huyện, hoặc được bầu cử là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã, một số địa phương phản ánh có vướng mắc về thủ tục cộng nối thời gian công tác trong quân đội trước đó với thời gian có đóng bảo hiểm xã hội sau này để tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

- Chế độ trợ cấp một lần khi thôi làm công tác Hội Cựu chiến binh, các địa phương đang vướng mắc về cách tính trợ cấp và thực hiện chưa thống nhất.

3. Nguyên nhân: Chế độ tiền lương, phụ cấp và chính sách bảo hiểm xã hội đối với Cựu chiến binh được quy định tại nhiều văn bản và thời gian ban hành văn bản khác nhau; chưa có văn bản hợp nhất hay hướng dẫn thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất; một số cơ quan và cán bộ thực hiện chính sách tại địa phương hiểu và thực hiện chưa đúng, chưa thống nhất như nêu trên.

Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam đã phải nhiều lần có văn bản gửi về Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đề nghị tháo gỡ các vướng mắc nêu trên (từ năm 2012 đến 2017, Trung ương Hội đã xử lý hàng trăm đơn thư, khiếu nại của Cựu chiến binh, khoảng 20/63 Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, thành phố có văn bản phản ánh vướng mắc. Năm 2018 vẫn còn 03 tỉnh: Hải Dương, Đắk Nông và Lâm Đồng kiến nghị các nội dung vướng mắc nêu trên).

Từ thực trạng nêu trên, việc trình Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 57/2016/NĐ-CP là cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG THÔNG TƯ

1. Tiếp tục hướng dẫn, cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước tôn vinh, ghi nhận và thực hiện chế độ, chính sách chăm lo đời sống vật chất, tinh thần với Cựu chiến binh.

2. Thông tư chỉ hướng dẫn chi tiết một số chế độ, chính sách đối với đối tượng Cựu chiến binh quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP; dẫn chiếu các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực; lấy một số ví dụ đảm bảo dễ hiểu, dễ thực hiện trong quá trình thực hiện chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh.

3. Dự thảo Thông tư chỉ đặt vấn đề thực hiện chế độ tiền lương, phụ cấp từ nay đến năm 2021 (khi chính sách tiền lương mới được ban hành theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp).

4. Thông tư không phát sinh đối tượng và chính sách mới; không hội tồ chính sách và không phát sinh ngân sách đảm bảo.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO THÔNG TƯ

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP và nhiệm vụ Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giao, Cục Người có công đã phối hợp với Hội Cựu chiến binh Việt Nam và cơ quan chức năng liên quan xây dựng Thông tư và đã tổ chức một số cuộc hội thảo lấy ý kiến về dự thảo Thông tư.

Dự thảo Thông tư đã được đăng tải trên website của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và lấy ý kiến của Vụ Pháp chế, Vụ Bảo hiểm xã hội,

Văn Phòng Bộ và Vụ Kế hoạch - Tài chính, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, như: Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ, Vụ Bảo hiểm Y tế - Bộ Y tế, Cục Chính sách - Tổng cục Chính trị - Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Đồng thời, Thường trực Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam đã chỉ đạo Hội Cựu chiến binh 12 tỉnh, thành phố tổ chức hội thảo, xin ý kiến các cơ quan liên quan và tổ chức Hội cơ sở các địa phương (là đối tượng tổ chức thực hiện chính sách và chịu sự tác động trực tiếp của chính sách), đảm bảo tính khả thi, phù hợp thực tế tổ chức Hội Cựu chiến binh.

2. Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cục Người có công đã dự thảo Tờ trình, dự thảo Thông tư và dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của Thông tư báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gửi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, gồm: Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Tài chính và Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, gửi Cổng thông tin điện tử Chính phủ đăng tải dự thảo Thông tư lấy ý kiến nhân dân.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA THÔNG TƯ

1. Tên Thông tư: Thông tư hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh.

2. Bố cục Thông tư có 8 Điều với nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Hướng dẫn chi tiết chế độ chính sách đối với Cựu chiến binh quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP.

Điều 2. Chế độ bảo hiểm y tế

Hướng dẫn Cựu chiến binh được hưởng chính sách bảo hiểm y tế theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế; hướng dẫn nguyên tắc đóng bảo hiểm y tế và đối mã quyền lợi bảo hiểm y tế đối với cựu chiến binh.

Điều 3. chế độ tiền lương, phụ cấp và chính sách bảo hiểm xã hội đối với Cựu chiến binh trong chỉ tiêu biên chế, làm công tác chuyên trách Hội Cựu chiến binh các cấp

Hướng dẫn chế độ tiền lương, phụ cấp và chính sách bảo hiểm xã hội đối với Cựu chiến binh trong chỉ tiêu biên chế, làm công tác chuyên trách Hội Cựu chiến binh các cấp (từ Trung ương đến cấp huyện), gồm: Cựu chiến binh đã nghỉ hưu (quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP) và Cựu

chiến binh phục viên, xuất ngũ, không hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP).

Điều 4. Chế độ tiền lương, phụ cấp và chính sách bảo hiểm xã hội đối với Chủ tịch và Phó Chủ tịch Cựu chiến binh cấp xã

Hướng dẫn chế độ tiền lương, phụ cấp và chính sách bảo hiểm xã hội đối với Chủ tịch Cựu chiến binh cấp xã đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng hàng tháng (quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP), Chủ tịch Cựu chiến binh cấp xã không hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng hàng tháng (quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP) và Phó Chủ tịch Cựu chiến binh cấp xã được hưởng chế độ phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Điều 5. Chế độ trợ cấp khi thôi công tác Hội:

Hướng dẫn chi tiết đối tượng được hưởng, cách tính tháng lương hiện hưởng, số năm công tác và thẩm quyền ra quyết định thôi công tác Hội.

Điều 6. Nguồn kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách

Theo quy định của Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2019.

Các chế độ, chính sách hướng dẫn tại Thông tư này được áp dụng từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Bãi bỏ Điểm 1 và Điểm 5 Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT.

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

Quy định cụ thể trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn thực hiện; truyền truyền, phổ biến chính sách; giải quyết các vướng mắc và phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện đối với các cơ quan liên quan.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

Trong quá trình soạn thảo Thông tư còn một số nội dung có ý kiến khác nhau, cụ thể:

1. Về hình thức xây dựng Thông tư và hiệu lực thi hành

- Nhóm ý kiến thứ nhất: Đề nghị ban hành Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT, lý do: Theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì không còn hình thức Thông tư liên tịch.

- Nhóm ý kiến thứ hai: Đa số ý kiến và Hội Cựu chiến binh Việt Nam đề nghị ban hành Thông tư như dự thảo. Chỉ thay thế Điểm 1 và Điểm 5 Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT.

Dự thảo Thông tư theo hướng của nhóm ý kiến thứ hai.

2. Về bố cục và nội dung Thông tư

- Nhóm ý kiến thứ nhất: Đề nghị bỏ Điều 3 và Điều 4 dự thảo Thông tư (hướng dẫn về chế độ tiền lương, phụ cấp và chính sách bảo hiểm xã hội), lý

do: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì “không quy định lại các nội dung đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác”.

- Nhóm ý kiến thứ hai: Đa số ý kiến và Hội Cựu chiến binh Việt Nam đề nghị giữ nguyên như dự thảo Thông tư, lý do: Đây là nội dung chính sách đang có nhiều vướng mắc, được quy định ở nhiều văn bản, thời gian ban hành khác nhau, do đó Thông tư cần hướng dẫn chi tiết, dẫn chiếu các văn bản liên quan còn hiệu lực thi hành để thuận tiện trong tổ chức thực hiện.

Dự thảo Thông tư theo hướng của nhóm ý kiến thứ hai.

3. Về đổi mã quyền lợi bảo hiểm y tế cho nhóm đối tượng Cựu chiến binh chuyển ngành (đang công tác hoặc về nghỉ hưu) đang có vướng mắc

- Nhóm ý kiến thứ nhất: Đề nghị bổ sung dự thảo Thông tư quy định về giấy tờ làm căn cứ đổi mã bảo hiểm y tế cho nhóm đối tượng này.

- Nhóm ý kiến thứ hai: Đa số ý kiến nhất trí như dự thảo Thông tư và đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 25/2016/TT-BLĐTBXH hướng dẫn xác định, quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, trong đó có hướng dẫn hồ sơ, thủ tục đổi mã bảo hiểm y tế cho nhóm đối tượng Cựu chiến binh chuyển ngành, nghỉ hưu.

Dự thảo Thông tư theo nhóm ý kiến thứ hai.

4. Một số ý kiến khác

Một số ý kiến tham gia về kỹ thuật, câu chữ, Cục Người có công đã tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Thông tư.

Thông tư hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh.

Cục Người có công trình Bộ trưởng xem xét, duyệt ký ban hành Thông tư./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung;
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Bộ
- Vụ Pháp chế;
- Vụ Bảo hiểm xã hội;
- Vụ Kế hoạch - Tài Chính;
- Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- Lưu: VT, CS1.

CỤC TRƯỞNG

Đào Ngọc Lợi

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Về việc ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh

1. Tên Thông tư

Thông tư hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh (sau đây gọi tắt là Nghị định số 157/2016/NĐ-CP).

2. Kết quả đạt được về thực hiện chế độ, chính sách đối với cựu chiến binh

Công tác giải quyết chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh đã đạt được những kết quả tích cực, thể hiện sự ghi nhận và đánh giá cao sự hy sinh công hiến to lớn của Cựu Chiến binh trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc, làm nhiệm vụ quốc tế, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, như giải quyết chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí khi chết, chế độ đối với cán bộ làm công tác Hội từ Trung ương đến địa phương.

Quá trình thực hiện các chế độ, chính sách đối với cựu chiến binh được quy định phù hợp, rõ ràng, minh bạch và phù hợp với tiến trình cải cách hành chính nhà nước, kịp thời góp phần khuyến khích, động viên Cựu chiến binh, cán bộ làm công tác Hội và phát huy vai trò, trách nhiệm trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Những vấn đề bất hợp lý nảy sinh trong quá trình thực hiện chế độ, chính sách đối với cựu chiến binh

a. Về thực hiện chính sách bảo hiểm y tế đối với Cựu chiến binh tại Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP không phù hợp với các quy định hiện hành tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

b. Về thực hiện chế độ tiền lương, phụ cấp và chế độ bảo hiểm xã hội đối với Cựu chiến binh trong chỉ tiêu biên chế, được tuyển dụng làm công tác chuyên trách công tác Hội Cựu chiến binh các cấp có một số vướng mắc, cụ thể như sau:

- Đối với Cựu chiến binh (đã nghỉ hưu) được tuyển dụng làm việc tại Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh và cấp huyện, một số địa phương không cho hưởng phụ cấp công vụ theo Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về chế độ phụ cấp công vụ;

- Đối với Cựu chiến binh (phục viên, xuất ngũ không hưởng lương hưu) được tuyển dụng làm việc tại Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh và cấp huyện, một số địa phương không cho hưởng phụ cấp công tác Đảng - Đoàn thể chính trị-xã hội theo hướng dẫn số 05-HD/BTCTW ngày 01 tháng 07 năm 2011 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện một số chế độ phụ cấp đối với cán bộ, công chức cơ quan Đảng, Đoàn thể chính trị - xã hội và tiền lương của Hội Cựu chiến binh Việt Nam theo Thông báo số 13-TB/TW ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Chính trị;

- Đối với Chủ tịch Cựu chiến binh cấp xã (đang hưởng lương hưu), một số địa phương không cho hưởng phụ cấp công vụ theo Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về chế độ phụ cấp công vụ;

- Đối với Chủ tịch Cựu chiến binh cấp xã (phục viên, xuất ngũ không hưởng lương hưu) được xếp lương theo ngạch, bậc lương phù hợp với trình độ đào tạo, tuy nhiên một số địa phương thực hiện cho hưởng các loại phụ cấp, trợ cấp đối với nhóm đối tượng này chưa đúng theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và không thống nhất.

- Đối với Cựu chiến binh (phục viên, xuất ngũ không hưởng lương hưu) được tuyển dụng làm việc tại Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh và cấp huyện, hoặc được bầu cử là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã, một số địa phương phản ánh có vướng mắc về thủ tục cộng nối thời gian công tác trong quân đội trước đó với thời gian có đóng bảo hiểm xã hội sau này để tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

c. Chế độ trợ cấp một lần khi thôi làm công tác Hội Cựu chiến binh, các địa phương đang vướng mắc về cách tính trợ cấp và thực hiện chưa thống nhất.

4. Vấn đề cần đánh giá

Báo cáo đánh giá tác động về dự thảo Thông tư tập trung vào một số vấn đề mà nội dung đã được thống nhất trong quá trình soạn thảo. Đó là:

Sự cần thiết ban hành Thông tư theo hướng cụ thể hóa một số chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh và cán bộ làm công tác Hội từ cấp Trung ương đến cấp xã phù hợp với quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP và xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện và hướng dẫn thực hiện chính sách.

5. Quy trình báo cáo đánh giá tác động của dự thảo Thông tư

Báo cáo đánh giá tác động về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật là một quy trình bắt buộc, được thực hiện theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Mục tiêu của việc tiến hành đánh giá tác động của dự thảo Thông tư:

- Sửa đổi, bổ sung để phù hợp, thống nhất với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.

- Quá trình thực hiện chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh và cán bộ làm công tác Hội được cụ thể, rõ ràng, khách quan, khoa học, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội.

- Trách nhiệm, thẩm quyền thực hiện của cơ quan, tổ chức quy định đầy đủ, rõ ràng, minh bạch.

6. Đánh giá tác động dự thảo Thông tư

Hội Cựu chiến binh có 9 nhóm đối tượng, trong đó: 05 nhóm là Cựu chiến binh, 04 nhóm là hội viên (không được hưởng chế độ, chính sách như đối với Cựu chiến binh). Tính đến tháng 7/2018, Hội Cựu chiến binh Việt Nam có 2.976.000 người, trong đó: Cựu chiến binh khoảng: 2.083.000 người, 04 nhóm hội viên cựu chiến binh khoảng 893.000 người.

Thông tư không phát sinh đối tượng và chế độ, chính sách mới; không phát sinh thủ tục hành chính, không đòi hỏi tổ chức chính sách và không phát sinh ngân sách đảm bảo thực hiện./.

BỘ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI